CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)
A member of HLB International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04-06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	07-35
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tiền thân là Công ty Du lịch Hương Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trụ sở chính của Công ty: Số 2 Nguyễn Công Trứ - Tp. Huế - Thừa Thiên Huế.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Thành	Chủ tịch
Ông Vũ Quang Hội	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Bốn	Thành viên
Ông Đinh Nhật Tân	Thành viên
Ông Trần Thắng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thắng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2013
Ông Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2013
Ông Nguyễn Bốn	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Ngọc	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/05/2012
Ông Phan Thanh Sơn	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 22/05/2012
Ông Hồ Văn Toại	Thành viên	
Bà Trần Thị Thắm	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Nguyễn Quốc Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

Số: 598 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được lập ngày 30 tháng 03 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

1. Công ty Du lịch Hương Giang được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 3300101124 ngày 25 tháng 12 năm 2007. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán, Công ty chưa thực hiện lập Báo cáo quyết toán và thực hiện các thủ tục bàn giao tài sản, nguồn vốn từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần, do đó một số khoản mục trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần năm 2012 có thể thay đổi theo Quyết định của các cơ quan chức năng.

2. Trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại 31/12/2012, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào cụm công trình "Khu văn hóa Huyền Trân" với tổng giá trị 24.429.275.680 đồng, trong đó hai công trình Khu Văn Hóa Huyền Trân, Đền thờ Trần Nhân Tông với tổng giá trị đầu tư trên sổ kế toán là 21.761.621.000 đồng đã hoàn thành từ năm 2010. Tuy nhiên, do chủ trương của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty sẽ thực hiện bàn giao toàn bộ cụm công trình này cho một đơn vị khác quản lý và khai thác nên Công ty không thực hiện ghi nhận tăng tài sản cố định và trích khấu hao đối với hai công trình hoàn thành. Các khoản thu, chi phí liên quan đến hoạt động của hai công trình này từ năm 2010, chưa được Công ty theo dõi và ghi nhận trên sổ kế toán theo đúng quy định hiện hành.

3. Trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang", Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công trình Khu du lịch Chín Hầm và công trình nước khoáng nóng Mỹ An với tổng chi phí đầu tư đã ghi nhận đến thời điểm 31/12/2012 là 20.766.697.034 đồng. Công trình đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt quyết toán với tổng giá trị 19.930.924.039 đồng, chi phí không được quyết toán là 617.331.991 đồng, nguồn vốn ngân sách đã cấp cho hai công trình đến thời điểm 31/12/2012 là 14.180.346.000 đồng. Do quá trình đầu tư các công trình này được thực hiện từ trước thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp, do đó Công ty chưa ghi nhận các nghiệp vụ liên quan đến kết quả quyết toán nêu trên trước thời điểm chính thức bàn giao sang công ty cổ phần.

4. Trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào các dự án: Dự án khu du lịch Đồng quê, Dự án khu du lịch tại xã Thủy Xuân với tổng giá trị đầu tư là 6.732.746.874 đồng. Năm 2012, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định thu hồi giấy phép đầu tư đối với các dự án này do chậm triển khai so với tiến độ cam kết. Tổng giá trị đền bù của UBND tỉnh khi thu hồi các dự án trên là 5.471.655.298 đồng. Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị các khoản đầu tư và giá trị tổn thất số tiền 1.261.091.576 đồng trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012.

5. Trên khoản mục Phải thu khác, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu tiền chuyển nhượng dự án đầu tư cho Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An số tiền 9.672.922.800 đồng phát sinh từ trước năm 2008. Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An là Công ty được Công ty CP Du lịch Hương Giang góp 51% vốn điều lệ, được thành lập để quản lý và khai thác dự án nêu trên. Tuy nhiên công ty này liên tục thua lỗ trong nhiều năm và số vốn điều lệ thấp nên không có khả năng thanh toán khoản nợ nêu trên. Theo chủ trương của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Công ty sẽ thống nhất với các đối tác góp vốn khác nâng mức vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An và Công ty sẽ thực hiện góp vốn bằng giá trị đầu tư ban đầu tương ứng với khoản phải thu trên do đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

6. Trên khoản mục Phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2012, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển Thuận An số tiền 717.110.038 đồng và Công ty CP Du Lịch Mỹ An 213.009.190 đồng. Các khoản phải thu này đã quá thời hạn thanh toán trên 3 năm và không có khả năng thu hồi tuy nhiên công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với 2 khoản phải thu này.

7. Tại thời điểm 31/12/2012, trên khoản mục Phải thu khác, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt số tiền 2.281.163.000 đồng là các khoản ứng trước cho các nhà thầu thi công công trình Thiền viện Trần Nhân Tông, trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, Công ty đang ghi nhận giá trị chi phí đã đầu tư vào Công trình Thiền viện Trần Nhân Tông số tiền 2.667.654.680 đồng. Công trình đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt để tiếp tục đầu tư và quyết toán chi phí thực hiện. Tuy nhiên tại thời điểm 31/12/2012, Công ty cổ phần Văn hóa Đất Việt không xác nhận nghĩa vụ phải trả đối với các khoản ứng trước và các chi phí mà Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang đã đầu tư nêu trên.

8. Trên tài khoản 242-Chi phí trả trước dài hạn tại 31/12/2012, Công ty đang ghi nhận giá trị Lợi thế kinh doanh của công ty cổ phần khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chưa phân bổ là 15.996.168.351 đồng. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, giá trị lợi thế kinh doanh Công ty cần ghi nhận bổ sung vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012 là 1.762.289.739 đồng.

9. Trong năm 2012, Công ty đang ghi nhận tiền thuê đất phải trả vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh thấp hơn số thông báo của cơ quan chức năng là 2.718.292.329 đồng. Công ty đã lập hồ sơ xin giảm thuế đất theo các văn bản hướng dẫn hiện hành, tuy nhiên đến thời điểm kết thúc quá trình kiểm toán, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của các cơ quan chức năng liên quan đến giá trị tiền thuê đất được miễn giảm.

10. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thu thập được các báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết do đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo giá gốc, chưa được đánh giá theo nguyên tắc vốn chủ.

11. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư dài hạn khác vào Công ty TNHH ĐT và PT Du lịch Thuận An với mức tổn thất ước tính là 3.000.000.000 đồng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0725/KTV

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1369/KTV

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**54.932.746.279**	**67.010.168.877**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	4	**25.798.730.137**	**32.057.619.460**
111	1. Tiền		24.048.730.137	30.207.619.460
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.750.000.000	1.850.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	5	**800.000.000**	**8.400.000.000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		800.000.000	8.400.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**25.192.204.529**	**22.812.331.945**
131	1. Phải thu của khách hàng		6.696.164.483	5.722.784.925
132	2. Trả trước cho người bán		792.750.379	1.716.522.485
135	5. Các khoản phải thu khác	6	17.703.289.667	15.373.024.535
140	**IV. Hàng tồn kho**	7	**988.800.223**	**1.218.621.942**
141	1. Hàng tồn kho		988.800.223	1.218.621.942
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**2.153.011.390**	**2.521.595.530**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		773.436.298	892.733.042
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	74.535.246	19.450.518
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.305.039.846	1.609.411.970
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**252.620.180.815**	**259.972.798.116**
220	**II. Tài sản cố định**		**121.967.132.368**	**139.088.365.184**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	63.924.966.917	68.457.038.191
222	- Nguyên giá		110.427.102.610	108.973.749.192
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(46.502.135.693)	(40.516.711.001)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	1.050.016.369	18.139.390.126
228	- Nguyên giá		1.370.758.000	22.957.258.000
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(320.741.631)	(4.817.867.874)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	56.992.149.082	52.491.936.867
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	13	**105.610.532.078**	**106.330.532.078**
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		91.010.532.078	91.010.532.078
258	3. Đầu tư dài hạn khác		14.600.000.000	15.320.000.000
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**25.042.516.369**	**14.553.900.854**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	24.792.516.369	14.225.638.880
268	3. Tài sản dài hạn khác		250.000.000	328.261.974
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**307.552.927.094**	**326.982.966.993**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**37.839.672.136**	**48.558.208.217**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**35.141.521.068**	**45.860.057.149**
312	2. Phải trả người bán		3.618.091.620	4.123.709.606
313	3. Người mua trả tiền trước		1.734.050.621	9.531.880.602
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.377.162.215	1.152.685.574
315	5. Phải trả người lao động		3.155.710.301	4.958.741.934
316	6. Chi phí phải trả		-	3.822.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	23.817.392.692	26.981.065.045
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(560.886.381)	(891.847.612)
330	**II. Nợ dài hạn**		**2.698.151.068**	**2.698.151.068**
333	3. Phải trả dài hạn khác		213.009.190	213.009.190
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	2.485.141.878	2.485.141.878
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**269.220.897.027**	**276.243.963.200**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	18	**255.040.551.027**	**262.063.617.200**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		47.223.517.700	47.223.517.700
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	333.613.330
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.742.361.831	3.512.088.210
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.867.393.523	2.745.119.902
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.207.277.973	8.249.278.058
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**14.180.346.000**	**14.180.346.000**
432	1. Nguồn kinh phí	19	14.180.346.000	14.180.346.000
439	**C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**		**492.357.931**	**2.180.795.576**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**307.552.927.094**	**326.982.966.993**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		74.916,34	191.764,86
- Đồng Euro (EUR)		529,59	540,51

Trần Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20	**96.165.761.468**	**103.541.350.684**
02	2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	21	**114.651.566**	**132.705.177**
10	3.	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	22	**96.051.109.902**	**103.408.645.507**
11	4.	**Giá vốn hàng bán**	23	**91.879.127.559**	**96.466.949.136**
20	5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**4.171.982.343**	**6.941.696.371**
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.415.276.611	13.139.639.880
22	7.	Chi phí tài chính	25	7.448.893	29.423.664
23		*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
24	8.	Chi phí bán hàng		127.381.500	99.838.000
25	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.671.697.263	9.289.413.599
30	10.	**Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**2.780.731.298**	**10.662.660.988**
31	11.	Thu nhập khác		624.706.018	1.022.212.618
32	12.	Chi phí khác		1.052.280.969	1.411.821.445
40	13.	**Lợi nhuận khác**		**(427.574.951)**	**(389.608.827)**
45	14.	**Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh**		-	-
50	15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**2.353.156.347**	**10.273.052.161**
51	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	73.796.636	526.059.686
52	17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**2.279.359.711**	**9.746.992.475**
61	18.1.	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**		**4.650.951**	**607.208.362**
62	18.2.	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ**		**2.274.708.760**	**9.139.784.113**
70	19.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	27	**114**	**457**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Trần Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		105.038.666.344	119.744.898.840
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(105.998.414.373)	(122.802.498.528)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(19.738.042.562)	(13.390.200.815)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.374.782.421)	(809.086.627)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		27.174.436.132	31.363.986.335
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.687.337.124)	(78.408.664.905)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		**(4.585.474.004)**	**(64.301.565.700)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.816.967.975)	(2.495.105.035)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		45.797.727	41.834.060
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(15.224.980.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.600.000.000	6.824.980.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.529.603.133	17.787.756.049
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		**11.358.432.885**	**6.934.485.074**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(720.000.000)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.387.655.610)	(3.099.301.182)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		**(13.107.655.610)**	**(3.099.301.182)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(6.334.696.729)**	**(60.466.381.808)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**32.057.619.460**	**91.902.360.233**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		**75.807.406**	**621.641.035**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**4**	**25.798.730.137**	**32.057.619.460**

Trần Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tiền thân là Công ty Du lịch Hương Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trụ sở chính của Công ty: Số 2 Nguyễn Công Trứ - Tp. Huế - Thừa Thiên Huế.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Thông tin về các công ty con tham gia hợp nhất:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	07 Lê Hồng Phong, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	Thôn Mỹ An, xã Phú Thượng huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Thông tin chi tiết về các công ty con:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	17 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	100,00%	100,00%	Kinh doanh du lịch, đại lý vé máy bay
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	Thôn Mỹ An, xã Phú Thượng, H. Phú Vang, T.Thừa Thiên Huế	51,00%	51,00%	Kinh doanh du lịch, khách sạn

Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Phường An Tây, TP.Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Công ty Liên doanh Việt Pháp	Số 5 đường Lý Thường Kiệt - TP. Huế
- Công ty Liên doanh Sài Gòn - Morin	30 Lê Lợi, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Công ty Liên doanh Dịch vụ du lịch và Nhà hàng Việt Nhật	5190 Shindo Sagamihara-shi Kanagawa, Nhật Bản
- Công ty Liên doanh Khách sạn Kinh Thành	Số 5 đường Lê Lợi - TP. Huế -Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế	Công viên Ngự Bình, xã Thuỷ An - TP. Huế

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết kinh doanh lưu trú du lịch: Khách sạn, nghỉ dưỡng tiêu chuẩn Hotel Resort & Spa);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Hoạt động viễn thông khác (Chi tiết: Kinh doanh hoạt động của các điểm truy cập Internet);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không (Chi tiết : Đại lý bán vé máy bay quốc tế và nội địa);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận chuyển hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Mua bán thức uống có cồn và không cồn);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh);
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc (Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: kinh doanh dịch vụ Karaoke);
- Điều hành tour du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đào tạo và cung ứng lao động
- Khai thác và kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh máy móc thiết bị.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến Năm nay. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An và Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5-50 năm
- Máy móc, thiết bị	5-10 năm
- Phương tiện vận tải	5-15 năm
- Thiết bị văn phòng	5-7 năm
- Các tài sản khác	5-10 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Từ năm 2012 Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thay thế cho Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư
Các khoản nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Đối với số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ năm 2011 trở về trước chưa phân bổ hết vào chi phí trong năm thì số dư còn lại được phân bổ tiếp vào chi phí tài chính của các năm tiếp theo, thời gian phân bổ theo số năm còn lại tương ứng nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đó.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . CÁC VẤN ĐỀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 ĐANG CHỜ Ý KIẾN CHỈ ĐẠO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

1. Công ty CP Du lịch Hương Giang đang ghi nhận khoản góp vốn liên doanh vào Công ty Liên doanh Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Nhật Bản với số tiền 2.556.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo báo cáo tài chính số lỗ lũy kế đến 30/09/2009 là 14.092.583 Yên Nhật và Hội đồng quản trị công ty này đã có phương án thanh lý Công ty liên doanh ngày 3 tháng 6 năm 2010, trong đó đối tác tại Nhật Bản sẽ chuyển trả cho Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang là 122.000 USD trong vòng 15 ngày. Tuy nhiên trong năm 2011, do khó khăn về mặt tài chính, đối tác liên doanh không có đủ khả năng và không thực hiện hoàn vốn cho Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang. Theo kết quả điều tra do một tổ chức tiến hành độc lập, đối tác liên doanh đã mất khả năng thanh toán nên khoản đầu tư này có thể không thu hồi được và mức tổn thất tương ứng của toàn bộ khoản đầu tư là 2.556.000.000 đồng.

2. Công ty CP Du lịch Hương Giang đang ghi nhận khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An với số tiền 3.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An đã ngừng hoạt động, toàn bộ tài sản thế chấp đã bị ngân hàng phát mại để thu nợ và chuyển sở hữu tài sản cho đối tượng khác. Đến thời điểm hiện tại Công ty không nhận được bất kỳ khoản lợi ích nào từ khoản đầu tư trên.

3. Công ty CP Du lịch Hương Giang đang ghi nhận khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch Huế với số tiền 1.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch Huế đã có quyết định giải thể ngày 31 tháng 8 năm 2009. Đến thời điểm hiện tại Công ty không nhận được khoản lợi ích nào từ khoản đầu tư trên kể từ thời điểm có quyết định giải thể.

4. Tại thời điểm ngày 31/12/2012, Công ty đang theo dõi công nợ phải thu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An với số tiền 717.110.038 đồng. Đến thời điểm hiện tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An đã ngừng hoạt động và khoản phải thu này không còn khả năng thu hồi.

5. Trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào các dự án: Dự án khu du lịch Đồng quê, Dự án khu du lịch tại xã Thủy Xuân với tổng giá trị đầu tư là 6.732.746.874 đồng. Năm 2012, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định thu hồi giấy phép đầu tư đối với các dự án này do chậm triển khai so với tiến độ cam kết. Tổng giá trị đền bù của UBND tỉnh khi thu hồi các dự án trên là 5.471.655.298 đồng. Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị các khoản đầu tư và tổn thất 1.261.091.576 đồng trên Báo cáo tài chính năm 2012.

6. Trong năm 2012, Công ty đang ghi nhận tiền thuê đất phải trả vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh thấp hơn số thông báo của cơ quan chức năng là 2.718.292.329 đồng. Công ty đã lập hồ sơ xin giảm thuế đất theo các văn bản hướng dẫn hiện hành, tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của các cơ quan chức năng liên quan đến giá trị tiền thuê đất được miễn giảm.

7. Công ty đang phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ thấp hơn quy định là 1.762.289.739 đồng.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.086.800.217	1.377.278.683
Tiền gửi ngân hàng	22.947.779.084	28.819.941.677
Tiền đang chuyển	14.150.836	10.399.100
Các khoản tương đương tiền	1.750.000.000	1.850.000.000
	25.798.730.137	**32.057.619.460**

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi có kỳ hạn)	800.000.000	8.400.000.000
	800.000.000	**8.400.000.000**

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	404.182.317	404.182.317
Phải thu về bảo hiểm xã hội	34.617.935	-
Lợi nhuận phải thu Công ty Liên doanh Sài Gòn- Morin	1.300.000.000	850.000.000
Lợi nhuận phải thu Công ty LD Khách sạn Kinh Thành	7.254.004.160	5.394.944.962
Lợi nhuận phải thu Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	615.398.860	615.398.860
Phải thu của BP-E Casino	135.681.445	192.949.445
Tiền thuê đất trước giai đoạn trước cổ phần hóa (1)	423.228.004	423.228.004
Tiền truy thu thuế TNDN giai đoạn trước CPH	249.121.887	249.121.887
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô-Thuế GTGT tài sản góp vốn	2.233.743.197	2.233.743.197
Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (2)	2.281.163.000	2.281.163.000
Dự án Trung tâm Văn hóa Huyền Trân (3)	1.027.086.107	1.027.086.107
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	384.432.905	590.626.906
Tiền thu hồi vốn góp bằng thương hiệu chờ xử lý	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khác	360.629.850	110.579.850
	17.703.289.667	**15.373.024.535**

(1) Tiền thuê đất giai đoạn trước 31/12/2007 (thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần) theo thông báo, do chưa có Biên bản bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần nên Công ty tạm ghi nhận khoản tiền thuế đã nộp này vào khoản mục "Phải thu khác" và sẽ điều chỉnh khi quyết toán chi phí cổ phần hóa.

(2) Trong năm 2011, Công ty đã bàn giao một số khoản ứng trước cho các nhà thầu thi công một số hạng mục nhỏ của Khu văn hóa Huyền Trân nay là Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (Ghi nhận trên tài khoản 331-Trả trước cho người bán) cho Công ty Cổ phần Văn hóa Huyền Trân để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các đơn vị này.

(3) Giá trị tài sản thuộc cụm công trình Trung tâm văn hóa Huyền Trân bàn giao cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt trong năm 2011 gồm giá trị pho tượng đồng 750.000.000 đồng và giá trị công cụ dụng cụ 227.086.107 đồng.

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	32.681.503	-
Nguyên liệu, vật liệu	468.874.013	570.351.527
Công cụ, dụng cụ	-	23.500.000
Hàng hoá	487.244.707	624.770.415
	988.800.223	**1.218.621.942**

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	74.535.246	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	19.450.518
	74.535.246	**19.450.518**

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.300.232.501	1.601.398.876
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.807.345	8.013.094
	1.305.039.846	**1.609.411.970**

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**73.261.281.591**	**20.244.585.199**	**13.812.429.864**	**1.507.065.404**	**148.387.134**	**108.973.749.192**
Số tăng trong năm	**2.180.302.695**	**168.727.829**	**254.181.819**	**-**	**38.000.000**	**2.641.212.343**
- Mua sắm mới	1.832.941.013	168.727.829	254.181.819	-	38.000.000	2.293.850.661
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	347.361.682	-	-	-	-	347.361.682
Số giảm trong năm	**(825.863.596)**	**(311.188.670)**	**(40.160.909)**	**(10.645.750)**	**-**	**(1.187.858.925)**
- Thanh lý, nhượng bán	(825.863.596)	(311.188.670)	(40.160.909)	(10.645.750)	-	(1.187.858.925)
Số dư cuối năm	**74.615.720.690**	**20.102.124.358**	**14.026.450.774**	**1.496.419.654**	**186.387.134**	**110.427.102.610**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**24.935.543.738**	**11.357.243.037**	**2.768.135.037**	**1.406.925.500**	**48.863.689**	**40.516.711.001**
Số tăng trong năm	**3.204.537.725**	**2.255.905.215**	**905.067.851**	**54.790.612**	**16.842.507**	**6.437.143.910**
- Trích khấu hao	3.190.607.899	2.255.905.215	905.067.851	54.790.612	16.842.507	6.423.214.084
- Tăng khác	13.929.826	-	-	-	-	13.929.826
Số giảm trong năm	**(120.382.271)**	**(307.439.374)**	**(13.251.823)**	**(10.645.750)**	**-**	**(451.719.218)**
- Thanh lý, nhượng bán	(120.382.271)	(307.439.374)	(13.251.823)	(10.645.750)	-	(451.719.218)
Số dư cuối năm	**28.019.699.192**	**13.305.708.878**	**3.659.951.065**	**1.451.070.362**	**65.706.196**	**46.502.135.693**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	**48.325.737.853**	**8.887.342.162**	**11.044.294.827**	**100.139.904**	**99.523.445**	**68.457.038.191**
Số dư cuối năm	**46.596.021.498**	**6.796.415.480**	**10.366.499.709**	**45.349.292**	**120.680.938**	**63.924.966.917**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.809.618.114 đồng

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế kinh doanh	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**999.000.000**	**345.462.000**	**21.600.000.000**	**12.796.000**	**22.957.258.000**
Số tăng trong năm	-	-	-	**13.500.000**	**13.500.000**
- Mua sắm mới	-	-		13.500.000	13.500.000
Số giảm trong năm	-	-	**(21.600.000.000)**	-	**(21.600.000.000)**
- Giảm khác (*)	-	-	(21.600.000.000)	-	(21.600.000.000)
Số dư cuối năm	**999.000.000**	**345.462.000**	-	**26.296.000**	**1.370.758.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	-	**301.407.725**	**4.512.238.786**	**4.221.363**	**4.817.867.874**
Số tăng trong năm	-	**18.205.305**	**1.084.264.673**	**4.014.117**	**1.106.484.095**
- Trích khấu hao	-	18.205.305	1.084.264.673	4.014.117	1.106.484.095
Số giảm trong năm	-	-	**(5.603.610.338)**	-	**(5.603.610.338)**
- Giảm khác (*)	-	-	(5.603.610.338)	-	(5.603.610.338)
Số dư cuối năm	-	**319.613.030**	(7.106.879)	**8.235.480**	**320.741.631**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu năm	**999.000.000**	**44.054.275**	**17.087.761.214**	**8.574.637**	**18.139.390.126**
Cuối năm	**999.000.000**	**25.848.970**	**7.106.879**	**18.060.520**	**1.050.016.369**

(*) Công ty thực hiện điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định vô hình và hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình là Lợi thế thương mại phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**53.794.105.507**	**52.491.936.867**
- Công trình nước khoáng Mỹ An (1)	889.400.500	889.400.500
- Công trình Khu du lịch Chín Hầm (1)	4.935.410.858	4.716.969.854
- Công trình Đường vào Khu du lịch Chín Hầm (1)	5.874.217.602	5.874.217.602
- Công trình phục hồi các hầm - Khu du lịch Chín Hầm (1)	3.476.482.165	3.476.482.165
- Công trình Tượng đài Bất Khuất (1)	5.591.185.909	5.591.185.909
- Công trình 91 Hàn Thuyên	1.191.192.710	1.104.062.857
- Công trình khu du lịch Đồng Quê (3)	5.369.381.452	4.773.778.865
- Công trình TT Dịch vụ du lịch Hùng Vương	326.781.391	326.781.391
- Công trình Khu văn hóa Huyền Trân (2)	13.646.747.226	13.565.459.044
- Công trình Đền thờ Trần Nhân Tông (2)	8.114.873.774	8.079.373.774
- Công trình Thiền Viện Trần Nhân Tông (2)	2.667.654.680	2.667.654.680
- Công trình Dự án Thuận An	-	145.077.817
- Công trình mở rộng TT Dịch vụ du lịch Hương Giang 11 Lê Lợi	-	157.224.056
- Công trình bảo trì XDCN KS Hương Giang	-	107.675.659
- Dự án xã Thủy Xuân (3)	1.363.365.422	620.453.113
- Công trình quầy bar Hương Giang	-	43.516.363
- Công trình khác	347.411.818	352.623.218
Sửa chữa lớn tài sản cố định	**3.198.043.575**	**-**
- Chí phí sửa chữa lớn các khu nhà Khách sạn Hương Giang	3.020.065.626	-
- Chi phí sửa chữa lớn khác	177.977.949	-
	56.992.149.082	**52.491.936.867**

(1) Công trình Khu du lịch Chín Hầm và công trình nước khoáng nóng Mỹ An với tổng chi phí đầu tư đã tập hợp đến thời điểm 31/12/2012 là 20.766.697.034 đồng được tài trợ bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp trong đó chi phí quyết toán không được phê duyệt là 617.331.991 đồng.

(2) Các công trình này được thực hiện bằng nguồn vốn của Công ty, việc chuyển giao các công trình này cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt không thực hiện được do Công ty này không đủ nguồn lực tài chính để tiếp nhận. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Công ty đang thực hiện các thủ tục tiếp nhận lại các tài sản này, thực hiện quyết toán, kiểm toán giá trị đầu tư các hạng mục công trình, gửi công văn đề xuất phương án bàn giao lại cho UBND tỉnh quản lý và khai thác.

(3) Các dự án : Dự án khu du lịch Đồng quê, Dự án tại xã Thủy Xuân là các dự án về du lịch do công ty triển khai từ trước năm 2009. Hiện tại các dự án này mới chỉ dừng lại ở hạng mục giải phóng mặt bằng và triển khai một phần xây dựng hạ tầng, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có quyết định thu hồi lại dự án và hỗ trợ đền bù một phần chi phí đầu tư với tổng giá trị 5.471.655.298 đồng.

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	**91.010.532.078**	**91.010.532.078**
- Công ty Liên doanh Việt Pháp	454.722.078	454.722.078
- Công ty Liên doanh Sài Gòn - Morin	50.720.625.000	50.720.625.000
- Công ty Liên doanh Dịch vụ du lịch và Nhà hàng Việt Nhật	2.556.000.000	2.556.000.000
- Công ty Liên doanh Khách sạn Kinh Thành	30.298.185.000	30.298.185.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	940.000.000	940.000.000
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	4.841.000.000	4.841.000.000
Đầu tư dài hạn khác	**14.600.000.000**	**15.320.000.000**
	105.610.532.078	**106.330.532.078**

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Việt Pháp	Số 5 đường Lý Thường Kiệt - TP. Huế	40,00%	50,00%	Tìm kiếm, hướng dẫn các nhà kinh doanh nước ngoài vào Việt Nam
Công ty Liên doanh Sài Gòn - Morin	30 Lê Lợi, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	50,00%	50,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
Công ty Liên doanh Dịch vụ du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (*)	5190 Shindo Sagamihara-shi Kanagawa, Nhật Bản	50,00%	50,00%	Kinh doanh nhà hàng, đồ lưu niệm, dịch vụ du lịch, khách sạn
Công ty Liên doanh Khách sạn Kinh Thành	Số 5 đường Lê Lợi - TP. Huế -Tỉnh Thừa Thiên Huế	49,00%	50,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch

(*) Công ty phối hợp với một công ty của Nhật Bản để mở nhà hàng tại Nhật Bản, tuy nhiên từ khi hoạt động, liên doanh liên tiếp thua lỗ, Theo biên bản làm việc giữa hai Công ty ngày 3 tháng 6 năm 2010, trong đó đối tác tại Nhật Bản sẽ mua lại toàn bộ tài sản và chuyển trả cho Công ty CP Du lịch Hương Giang số tiền tương ứng là 122.000 USD. Tuy nhiên theo kết quả điều tra do một tổ chức tiến hành độc lập, đối tác liên doanh đã mất khả năng thanh toán nên khoản đầu tư này có thể không thu hồi được.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau :

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền BQ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế (**)	Công viên Ngự Bình, xã Thuỷ An - TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	20,00%	20,00%	Kinh doanh thể thao, khu vui chơi giải trí
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Phường An Tây, TP.Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	31,33%	31,33%	Sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt là công nghiệp

(**) Ngày 31/08/2009, Công ty CP Dịch vụ Du lịch Huế đã có quyết định giải thể do các bên tham gia góp vốn ngừng đầu tư vào dự án, toàn bộ khoản đầu tư bị tổn thất không có giá trị thu hồi.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Tourist (1.160.000 CP)	11.600.000.000	11.600.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch Thuận An (1)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Tulico Hương Giang	-	720.000.000
	14.600.000.000	**15.320.000.000**

(1) Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch Thuận An đã bị ngân hàng phát mại toàn bộ tài sản của Công ty này để thu hồi vốn cho vay.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.294.430.977	10.825.436.990
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.095.390.693	918.369.051
Lợi thế kinh doanh (*)	15.996.168.351	-
Lợi thế thương mại của Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	976.192.460	1.024.647.110
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.430.333.888	1.457.185.729
	24.792.516.369	**14.225.638.880**

(*) Công ty thực hiện điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định vô hình và hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình là Lợi thế thương mại phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	412.114.004	521.284.649
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13.363.891	11.163.991
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	73.796.636	598.862.388
Thuế Thu nhập cá nhân	28.789.234	19.134.636
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	2.836.972.546	-
Các loại thuế khác	12.125.904	1.400.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	839.910
	3.377.162.215	**1.152.685.574**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	91.132.752	70.338.983
Bảo hiểm xã hội	7.726.855	11.156.904
Bảo hiểm y tế	9.467.391	13.868.476
Phải trả về cổ phần hoá	4.878.100.484	4.878.100.484
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.339.960	4.196.634.970
Hỗ trợ kinh phí đền thờ Huyền Trân	1.674.302.955	1.655.046.955
Hỗ trợ kinh phí tôn tạo khu di tích lịch sử Chín Hầm	82.620.000	82.620.000
Lãi tiền gửi của tài khoản thu từ CPH (1)	14.782.595.969	12.619.810.994
Lợi nhuận Công ty TNHH lữ hành Hương Giang Hà Nội (2)	7.320.503	7.320.503
Lợi nhuận Công ty TNHH lữ hành Hương Giang HCM (2)	33.788.860	33.788.860
Lợi nhuận Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô (2)	88.600.555	88.600.555
Lợi nhuận Công ty TNHH Du lịch Việt Hàn (2)	95.076.500	95.076.500
Lợi nhuận Công ty TNHH Vietphap Service (2)	44.699.268	44.699.268
Lợi nhuận Công ty CP Du lịch Thiên Phúc (2)	58.218.000	58.218.000
Phải trả về cổ phần hóa - Chi phí học tập tại Thái Lan	185.232.687	185.232.687
Công ty TNHH Du lịch Việt Hàn	-	299.016.406
Phải trả về cổ phần hóa - Tiền thuê nhà 25 Lê Quý Đôn (3)	1.060.000.000	1.060.000.000
Khoản phải trả công ty Du lịch Việt Hàn tại thời điểm giải thể	-	34.016.675
Cục Sở hữu Trí tuệ	155.000.000	155.000.000
Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế	140.328.104	140.328.104
Phải trả, phải nộp khác	418.841.849	1.252.189.721
	23.817.392.692	**26.981.065.045**

(1) Khoản lãi tiền gửi tài khoản cổ phần hóa tại các ngân hàng sẽ được xử lý sau khi có Biên bản bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần.

(2) Đây là khoản lợi nhuận, cổ tức được chia từ các hoạt động đầu tư, góp vốn giai đoạn trước cổ phần hóa. Các khoản này đang chờ biên bản bàn giao giữa Nhà nước và Công ty Cổ phần để xử lý do đó số tiền phải trả này cũng có thể thay đổi theo biên bản bàn giao.

(3) Theo kết quả thanh tra cổ phần hóa, tiền thuê cửa hàng từ năm 2007 đến 2016 đã hạch toán vào chi phí trước giai đoạn cổ phần hóa phải tính nộp bổ sung vào ngân sách Nhà nước.

17 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ dài hạn	**2.485.141.878**	**2.485.141.878**
- Nợ dài hạn khác	2.485.141.878	2.485.141.878
	2.485.141.878	**2.485.141.878**

Khoản nợ dài hạn khác là khoản phải trả Công ty TNHH ACE Việt Nam (đối tác cung cấp máy móc dịch vụ kinh doanh E-Casino) số tiền 138.333 USD tương đương với 2.485.141.878 đồng (theo Hợp đồng kinh tế ngày 9/5/2007) để mua máy và trang thiết bị trò chơi điện tử có thưởng. Khoản nợ có lãi suất bằng 0% và được hoàn trả gốc thông qua phí quản lý hàng năm chi trả cho đối tác trong vòng 15 năm kể từ ngày dịch vụ đi vào hoạt động (năm 2007) theo Hợp đồng quản lý số HGACE01 ngày 24/10/2005.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM 2011							
Số dư đầu năm	**200.000.000.000**	**-**	**507.477.940**	**3.328.482.641**	**2.649.929.133**	**7.383.166.039**	**213.869.055.753**
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	9.139.784.113	9.139.784.113
Ảnh hưởng lợi ích của Công ty mẹ do điều chỉnh các chỉ tiêu VCSH các năm trước tại các công ty con	-	-	-	4.528.790	5.652.379	291.721.635	301.902.804
Lợi ích của công ty mẹ trong phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	179.076.779	89.538.390	(268.615.169)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(6.660.000.000)	(6.660.000.000)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(201.847.510)	(201.847.510)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	(1.211.085.077)	(1.211.085.077)
Ảnh hưởng lợi ích của công ty mẹ do việc trích quỹ KTPL tại Công ty con	-	-	-	-	-	(223.845.973)	(223.845.973)
Tăng khác	-	47.223.517.700	955.239.985	-	-	-	48.178.757.685
Giảm khác	-	-	(1.129.104.595)	-	-	-	(1.129.104.595)
Số dư cuối năm	**200.000.000.000**	**47.223.517.700**	**333.613.330**	**3.512.088.210**	**2.745.119.902**	**8.249.278.058**	**262.063.617.200**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM 2012							
Số dư đầu năm	**200.000.000.000**	**47.223.517.700**	**333.613.330**	**3.512.088.210**	**2.745.119.902**	**8.249.278.058**	**262.063.617.200**
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	2.274.708.760	2.274.708.760
Chi trả cổ tức tại công ty mẹ (*)	-	-	-	-	-	(8.113.800.734)	(8.113.800.734)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty mẹ (*)	-	-	-	-	-	(918.892.488)	(918.892.488)
Thù lao HĐQT, BKS công ty mẹ (*)						(156.231.665)	(156.231.665)
Ảnh hưởng tăng lợi ích trong các quỹ thuộc vốn chủ do tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con (**)	-	-	-	464.017.191	232.008.596	-	696.025.787
Ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	14.273.621	14.273.621	(28.547.242)	-
Ảnh hưởng lợi ích của công ty mẹ do việc trích quỹ KTPL tại Công ty con	-	-	-	-	-	(28.547.243)	(28.547.243)
Ảnh hưởng của việc sử dụng các quỹ thuộc vốn chủ tại các công ty con	-	-	-	(248.017.191)	(124.008.596)	(70.689.473)	(442.715.260)
Tăng khác		-	520.843.790				520.843.790
Giảm khác	-	-	(854.457.120)	-	-	-	(854.457.120)
Số dư cuối năm	**200.000.000.000**	**47.223.517.700**	**-**	**3.742.361.831**	**2.867.393.523**	**1.207.277.973**	**255.040.551.027**

(*) Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 22 tháng 05 năm 2012

(**) Năm 2012, Công ty mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số trong Công ty con - Công ty Cổ phần Lữ hành Hương Giang tăng tỷ lệ sở hữu từ 55% lên 100% làm tăng lợi ích trong các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối trong VCSH của Công ty con.

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	125.722.000.000	62,86%	125.722.000.000	62,86%
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Minh	15.240.000.000	7,62%	15.240.000.000	7,62%
Vốn góp của đối tượng khác	59.038.000.000	29,52%	59.038.000.000	29,52%
	200.000.000.000	**100%**	**200.000.000.000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- *Vốn góp đầu năm*	*200.000.000.000*	*200.000.000.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*200.000.000.000*	*200.000.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.113.800.734	6.660.000.000
- *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước*	*8.113.800.734*	*6.660.000.000*

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*20.000.000*	*20.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*20.000.000*	*20.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.742.361.831	3.512.088.210
Quỹ dự phòng tài chính	2.867.393.523	2.745.119.902
	6.609.755.354	**6.257.208.112**

19 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	14.180.346.000	14.180.346.000
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	**14.180.346.000**	**14.180.346.000**

Khoản mục nguồn kinh phí theo dõi khoản tiền đã nhận được từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện các dự án: Dự án tượng đài Bất Khuất tại Khu chứng tích Chín Hầm; Dự án đường vào khu chứng tích và du lịch sinh thái Chín Hầm; Dự án Khu tưởng niệm tại Khu chứng tích Chín Hầm; Dự án thăm dò nguồn nước khoáng nóng Mỹ An. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi tiết số dư nguồn kinh phí cấp cho từng dự án như sau:

	31/12/2012
	VND
- Dự án Khu chứng tích lịch sử Chín Hầm	1.915.535.000
- Dự án Tượng đài Bất Khuất	5.589.526.000
- Dự án Đường vào Khu di tích lịch sử Chín Hầm	5.975.285.000
- Dự án Khoan thăm dò nước khoáng nóng Mỹ An	700.000.000
	14.180.346.000

Tại thời điểm 31/12/2012 tổng giá trị đầu tư trên sổ sách của các công trình trên là 20.766.697.034 đồng, nguồn vốn ngân sách đã được cấp đến 31/12/2012 là 14.180.346.000 đồng, phần vượt chi ngân sách được UBND tỉnh phê duyệt bổ sung là 6.586.351.034 đồng.

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.165.761.468	103.541.350.684
	96.165.761.468	**103.541.350.684**

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	114.651.566	132.705.177
	114.651.566	**132.705.177**

22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	96.051.109.902	103.408.645.507
	96.051.109.902	**103.408.645.507**

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	91.879.127.559	96.466.949.136
	91.879.127.559	**96.466.949.136**

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.257.896.002	978.108.282
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.586.587.360	11.046.547.962
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	490.955.411	1.114.983.636
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	79.837.838	-
	12.415.276.611	**13.139.639.880**

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.448.893	29.423.664
	7.448.893	**29.423.664**

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty CPLD Mỹ An	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty Lữ hành Hương Giang	73.796.636	526.059.686
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**73.796.636**	**526.059.686**

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.274.708.760	9.139.784.113
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.274.708.760	9.139.784.113
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**114**	**457**

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.798.730.137	-	32.057.619.460	-
Phải thu khách hàng	6.696.164.483	-	5.722.784.925	-
Phải thu khác	17.703.289.667	-	15.373.024.535	-
Đầu tư ngắn hạn	800.000.000	-	8.400.000.000	-
Đầu tư dài hạn	14.600.000.000	-	15.320.000.000	-
	65.598.184.287	**-**	**76.873.428.920**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.485.141.878	2.485.141.878
Phải trả người bán	3.618.091.620	4.123.709.606
Chi phí phải trả	-	3.822.000
Phải trả khác	24.030.401.882	27.194.074.235
	30.133.635.380	**33.806.747.719**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.798.730.137	-	-	25.798.730.137
Phải thu khách hàng	6.696.164.483	-	-	6.696.164.483
Phải thu khác	17.703.289.667			
Các khoản cho vay	800.000.000	-	-	800.000.000
Đầu tư ngắn hạn	14.600.000.000	-	-	14.600.000.000
Cộng	**65.598.184.287**	**-**	**-**	**47.894.894.620**

Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.057.619.460	-	-	32.057.619.460
Phải thu khách hàng	5.722.784.925	-	-	5.722.784.925
Phải thu khác	15.373.024.535			
Các khoản cho vay	8.400.000.000	-	-	8.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn	15.320.000.000	-	-	15.320.000.000
Cộng	**76.873.428.920**	**-**	**-**	**61.500.404.385**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	-	-	2.485.141.878	2.485.141.878
Phải trả người bán	3.618.091.620	-	-	3.618.091.620
Phải trả khác	24.030.401.882	-	-	24.030.401.882
	27.648.493.502	**-**	**2.485.141.878**	**30.133.635.380**
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	-	-	2.485.141.878	2.485.141.878
Phải trả người bán	4.123.709.606	-	-	4.123.709.606
Chi phí phải trả	3.822.000	-	-	3.822.000
Phải trả khác	27.194.074.235	-	-	27.194.074.235
	31.321.605.841	**-**	**2.485.141.878**	**33.806.747.719**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nhà hàng khách sạn.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận nhận được			
- Công ty CP DL Thiên Phúc	Cty liên kết	32.583.200	19.050.000
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin - Huế	Cty liên doanh	3.300.000.000	2.850.000.000
- Công ty TNHH Khách Sạn Kinh Thành	Cty liên doanh	7.254.004.160	7.894.944.962

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Phải thu khác			
- Công ty Liên doanh Sài Gòn- Morin	C.ty liên doanh	1.300.000.000	850.000.000
- Công ty LD Khách sạn Kinh Thành	C.ty liên doanh	7.254.004.160	5.394.944.962
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	C.ty liên kết	2.849.142.057	2.849.142.057

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	156.231.662	201.847.510

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trần Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2013